

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững
Vườn quốc gia Cát Tiên giai đoạn 2010 - 2020**

BỘ TRƯỞNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/09/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3, Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/06/2006 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý rừng;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp tại Tờ trình số 889/TTr-TCLN-BTTN ngày 01/07/2011 về việc xin phê duyệt quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Vườn quốc gia Cát Tiên giai đoạn 2010- 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Vườn quốc gia Cát Tiên giai đoạn 2010- 2020” gồm những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên gọi: Vườn quốc gia Cát Tiên

2. Vị trí:

- Từ 11⁰20’50” đến 11⁰50’20” vĩ độ bắc
- Từ 107⁰09’05” đến 107⁰35’20” kinh độ đông.

3. Tổng diện tích tự nhiên của Vườn quốc gia: 71.350 ha, trong đó:

- Khu Nam Cát Tiên thuộc địa phận tỉnh Đồng Nai: 39.627 ha
 - Khu Tây Cát Tiên thuộc địa phận tỉnh Bình Phước: 4.193 ha
 - Khu Cát Lộc thuộc địa phận tỉnh Lâm Đồng: 27.530 ha
- a) Phần diện tích đất lâm nghiệp: 67.781 ha

b) Phần diện tích đất khác: 3.569 ha

4. Các phân khu chức năng: 71.350 ha

a) Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt: 54.099 ha

b) Phân khu phục hồi sinh thái: 14.926 ha

c) Phân khu dịch vụ hành chính: 2.325 ha

5. Mục tiêu, nhiệm vụ:

a) Bảo vệ sự nguyên vẹn của các hệ sinh thái rừng mưa mùa nhiệt đới tiêu biểu là các kiểu rừng kín thường xanh, rừng nửa rụng lá, rừng hỗn giao gỗ - lồ ô, rừng lồ ô thuần loại và hệ sinh thái đất ngập nước Ramsar vùng Bàu Sấu.

b) Giảm áp lực hiện có và hạn chế, không để xuất hiện những áp lực mới đối với công tác bảo tồn của Vườn quốc gia Cát Tiên.

c) Duy trì số lượng các loài động, thực vật rừng quý hiếm, đặc hữu, đặc biệt là những loài có tỷ lệ sinh sản ít, mức độ thương tổn cao như Tê giác một sừng Việt Nam, Cá sấu nước ngọt, Bò tót, Gấu, voi Châu Á...

d) Nâng cao năng lực về quản lý, bảo tồn, nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ, viên chức của Vườn quốc gia.

đ) Phát triển Du lịch sinh thái bền vững.

6. Nội dung quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng bền vững Vườn quốc gia Cát Tiên giai đoạn từ 2010 - 2020 bao gồm:

a) Quy hoạch không gian phát triển Vườn quốc gia Cát Tiên giai đoạn 2010 - 2020: Rà soát quy mô, ranh giới Vườn quốc gia Cát Tiên; Rà soát quy hoạch các phân khu chức năng.

b) Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Vườn quốc gia Cát Tiên giai đoạn 2010 - 2020: Quy hoạch về bảo vệ rừng; Quy hoạch phục hồi sinh thái; Quy hoạch bảo tồn các loài thú quý hiếm, nguy cấp; Quy hoạch bảo tồn vùng đất ngập nước Ramsa khu vực Bàu Sấu.

c) Quy hoạch cứu hộ các loài động vật hoang dã nguy cấp: Xây dựng Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã mới diện tích 20 ha tại xã Phú An, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; Quy hoạch các khu chức năng của Trung tâm cứu hộ.

d) Quy hoạch phát triển Du lịch sinh thái: Thiết lập những tuyến du lịch mới, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch.

đ) Quy hoạch tổng thể về Phòng cháy chữa cháy rừng: Xác định nguyên nhân gây cháy; Xây dựng phương án Phòng cháy chữa cháy rừng hàng năm; Xây dựng cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị cho công tác Phòng cháy chữa cháy rừng.

e) Quy hoạch các hạng mục đầu tư trong phân khu hành chính dịch vụ: Quy hoạch không gian phát triển, Các hạng mục công trình xây dựng.

f) Quy hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực: Rà soát xác định nhu cầu nhân sự, bổ sung nhân sự; Quy hoạch chương trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

g) Quy hoạch phát triển vùng đệm: Với diện tích khoảng 183.479 ha; Diện tích rừng tự nhiên và đất lâm nghiệp giao cho các tổ chức, hộ gia đình, và cá nhân là 64.875 ha. Vùng đệm thuộc khu vực có dân cư đang sinh sống do Ủy ban nhân dân 31 xã và 2 thị trấn quản lý là 118.604 ha. Thực hiện các dự án hỗ trợ các xã trên địa bàn vùng đệm về cơ sở hạ tầng nông thôn để phát triển sản xuất và cải thiện sinh hoạt và đời sống của một bộ phận cộng đồng dân cư trên vùng đệm.

7. Các chương trình hoạt động - Giải pháp và tổ chức thực hiện

a) Chương trình hoạt động

- Chương trình bảo vệ rừng: Bảo vệ nguyên vẹn toàn bộ diện tích rừng hiện có, phục hồi rừng bằng các giải pháp: Xúc tiến tái sinh tự nhiên, trồng rừng trên diện tích đất trống không có khả năng tự phục hồi;

- Chương trình phục hồi hệ sinh thái: Bảo vệ, quản lý và phát triển các hệ sinh thái bền vững; điều tra đánh giá, nghiên cứu phục hồi các hệ sinh thái quan trọng như: hệ sinh thái rừng, hệ sinh thái đất ngập nước, hệ sinh thái nông nghiệp truyền thống,...

- Chương trình nghiên cứu khoa học: Điều tra nghiên cứu bổ sung, phát hiện các giá trị bảo tồn phục vụ phát triển bền vững; nghiên cứu bảo tồn các hệ sinh thái rừng, các loài động vật, thực vật quý hiếm, đặc hữu ở Vườn quốc gia Cát Tiên, các mô hình phục hồi rừng và các nghiên cứu có liên quan để hỗ trợ bảo tồn và phát triển bền vững ở Vườn quốc gia và vùng đệm.

- Chương trình phát triển dịch vụ Du lịch sinh thái: Điều tra đánh giá tiềm năng du lịch, đề xuất các hoạt động, nguồn thu từ Du lịch sinh thái; xây dựng cơ sở hạ tầng; xây dựng quy chế quản lý hoạt động, sản phẩm Du lịch sinh thái theo chuẩn quốc gia; bước đầu thí điểm một số loại hình Du lịch sinh thái để tạo nguồn thu từ du lịch.

- Chương trình phòng cháy, chữa cháy rừng: Xây dựng hệ thống dự báo Phòng cháy chữa cháy rừng; Xây dựng Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng hàng năm; Tổ chức lực lượng Phòng cháy chữa cháy rừng; Tuyên truyền, nâng cao sự nhận thức của người dân đang sinh sống trong vùng về các tác hại và sự nguy hiểm lửa rừng; Nâng cao các kỹ năng phòng ngừa, ngăn chặn và kiểm soát lửa rừng cho lực lượng cán bộ nhân viên của Vườn và người dân sống trên vùng đệm; Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ Phòng cháy chữa cháy rừng và mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác Phòng cháy chữa cháy rừng.

- Chương trình cứu hộ động vật hoang dã: Đầu tư xây dựng mới trung tâm cứu hộ động vật hoang dã của khu vực Đông Nam bộ, mở rộng đối tượng cứu hộ

(không chỉ cứu hộ Gấu, Báo Hoa Mai và các loài Linh trưởng như hiện nay mà cả cá loài thú khác và bò sát như : Rùa, rắn, Tê tê...và các loài chim.

- Chương trình xây dựng kết cấu hạ tầng tại Phân khu Hành chính dịch vụ: Đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng phục vụ công tác bảo vệ, bảo tồn và phát triển Vườn quốc gia như: Hệ thống nhà làm việc, hội trường, văn phòng Hạt Kiểm lâm, Trạm y tế, đường các loại, các trung tâm nghiên cứu, thí nghiệm, hệ thống nước sạch, các cơ sở dịch vụ theo quy hoạch đến năm 2020.

- Chương trình đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và giáo dục môi trường: Phát triển nguồn nhân lực cho Vườn quốc gia để đảm nhận vai trò giáo dục và bảo vệ môi trường; tăng cường hợp tác trong giáo dục và đào tạo để phát triển nguồn nhân lực; Xây dựng và tổ chức thực hiện các lớp tập huấn, hội thảo; đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức về đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường.

- Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội vùng đệm: Định hướng và hỗ trợ đầu tư cho vùng đệm Vườn quốc gia một số cơ sở hạ tầng phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng kết hợp dân sinh, các chương trình khuyến nông khuyến lâm, nâng cao nhận thức, góp phần giải quyết công ăn việc làm, nâng cao đời sống phát triển kinh tế xã hội đảm bảo phát triển bền vững cho Vườn quốc gia.

- Các chương trình khác: Quản lý bền vững đầu nguồn; chương trình bảo vệ môi trường; quảng bá hình ảnh Vườn quốc gia Cát Tiên...

b) Các giải pháp chủ yếu

- Về chính sách và thể chế: Ôn định quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Vườn quốc gia Cát Tiên giai đoạn 2010 - 2020. Đồng thời, công khai quy hoạch trên các phương tiện thông tin đại chúng để tuyên truyền cho công tác bảo vệ, bảo tồn thiên nhiên, đồng thời thu hút đầu tư trong và ngoài nước; Nghiên cứu, đề xuất việc thử nghiệm và nhân rộng mô hình liên doanh, liên kết đầu tư và cho thuê môi trường để khai thác tiềm năng du lịch, phục vụ nhu cầu của mọi tầng lớp người dân về Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, tiến tới thay thế việc sử dụng ngân sách nhà nước cho công tác khoán quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Về khoa học công nghệ: Áp dụng công nghệ tin học, thiết bị điện tử phục vụ nhu cầu nghiên cứu, theo dõi, đánh giá xu thế động vật hoang dã; Tiếp cận các đề án quốc gia về bảo tồn và phát triển lâm đặc sản, cây thuốc giai đoạn 2010 - 2020 để phát triển nguồn lợi lâm đặc sản dưới tán rừng; Tăng cường đầu tư trang thiết bị hiện đại để áp dụng khoa học kỹ thuật mới phục vụ công tác nghiên cứu.

- Về phát triển nguồn nhân lực: Ưu tiên tuyển dụng cán bộ được đào tạo chính quy, đào tạo chuyên đề; Chuyên môn hoá cao cho lực lượng cán bộ trong các lĩnh vực hoạt động; Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật và quản lý của Vườn, khuyến khích việc học cao học, nghiên cứu sinh và tham gia các khoá đào tạo khác.

- Về tài chính: Ngân sách Nhà nước đảm bảo đầu tư cho các công trình cơ sở hạ tầng, công tác bảo tồn, phát triển rừng, nghiên cứu khoa học; hệ thống

đường trục, đường tuần tra bảo vệ, Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã. Thu hút đầu tư từ các thành phần kinh tế khác để xây dựng các khu nghỉ dưỡng, hạ tầng phục vụ du lịch, khu hội thảo, vui chơi giải trí trong phân khu Hành chính và dịch vụ. Khuyến khích các doanh nghiệp tham gia trồng rừng, bảo vệ rừng ở các khu rừng cảnh quan, vườn thực vật, trồng cây dọc theo các tuyến đường.

c) Tổ chức thực hiện quy hoạch và giám sát đánh giá

- Trong phân khu Nghiêm ngặt: Lập các dự án đầu tư cho các công trình xây dựng, lâm sinh.

- Trong phân khu Phục hồi sinh thái: Lập các dự án đầu tư cho các công trình xây dựng, lâm sinh bằng nguồn vốn ngân sách; các Nhà đầu tư xây dựng các đề án thuê môi trường rừng đặc dụng làm Du lịch sinh thái.

- Trong phân khu Hành chính và dịch vụ: Lập quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/2000) trên diện tích, công trình đã được xác định. Các Nhà đầu tư, các đơn vị liên kết lập các dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch chi tiết đã phê duyệt.

- Giám sát thực hiện các quy định về bảo vệ môi sinh, môi trường. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường đã được xác định trong quy hoạch.

8. Dự toán vốn đầu tư

Vườn quốc gia Cát Tiên được đầu tư bằng các nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước, liên kết với các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, viện trợ của các tổ chức Quốc tế. Tổng vốn đầu tư dự kiến là: 239,365 tỷ đồng.

a) Vốn đầu tư phân theo chương trình hoạt động

- | | |
|---|----------------|
| - Chương trình bảo vệ rừng: | 83,614 tỷ đồng |
| - Chương trình phục hồi sinh thái: | 19,679 tỷ đồng |
| - Chương trình nghiên cứu khoa học: | 9,362 tỷ đồng |
| - Chương trình phòng cháy, chữa cháy rừng: | 22,468 tỷ đồng |
| - Chương trình phát triển Du lịch sinh thái: | 18,480 tỷ đồng |
| - Chương trình cứu hộ động vật hoang dã: | 32,847 tỷ đồng |
| - Xây dựng cơ sở hạ tầng tại Phân khu Hành chính dịch vụ: | 7,758 tỷ đồng |
| - Chương trình đào tạo phát triển nguồn nhân lực: | 2,990 tỷ đồng |
| - Mua sắm các thiết bị phục vụ các hoạt động và bảo tồn: | 10,150 tỷ đồng |
| - Lập Dự án quy hoạch dân cư, phát triển KTXH vùng đệm: | 32 tỷ đồng |

b) Vốn đầu tư theo giai đoạn

- | | |
|--------------------------|------------------|
| - Giai đoạn 2011 - 2015: | 130,511 tỷ đồng |
| - Giai đoạn 2016 - 2020: | 108,855 tỷ đồng. |

c) Vốn đầu tư theo nguồn hình thành

- Vốn ngân sách 165,013 tỷ đồng, cấp cho các hạng mục bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh, trồng rừng và chăm sóc rừng trồng, làm giàu rừng, đề tài nghiên cứu khoa học, nhà làm việc, nhà giáo dục môi trường, nhà sinh hoạt văn

hoá cộng đồng, hệ thống đường, hệ thống điện, thu gom xử lý chất thải, chòi canh lửa, bảng nội quy bảo vệ rừng, đường bao ranh giới, các đập nước.

- Vốn tự có: 1,460 tỷ đồng, dùng đào tạo nguồn nhân lực hướng dẫn du lịch và tuyên truyền quảng bá du lịch.

- Vốn liên doanh, liên kết: 1 tỷ đồng, huy động các nhà đầu tư, để mua sắm phương tiện vận chuyển khách, phục vụ Du lịch sinh thái.

- Vốn hợp tác quốc tế: 32,893 tỷ đồng để đào tạo các chuyên gia bảo tồn di sản thiên nhiên và các loại thú quý hiếm.

- Vốn thu từ chi trả dịch vụ môi trường rừng: 39 tỷ đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Tổng Cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp phê duyệt các qui hoạch chi tiết, các bản đồ qui hoạch. Giao Tổng cục Lâm nghiệp chỉ đạo, hướng dẫn Vườn quốc gia Cát Tiên xây dựng chương trình, dự án để thực hiện qui hoạch các nội dung quy định tại Điều 1 của Quyết định này và hướng dẫn Vườn quốc gia lập kế hoạch đầu tư hàng năm theo các nhiệm vụ đầu tư và các dự án đầu tư cụ thể của từng chương trình đầu tư được duyệt; tổ chức quản lý và thực hiện quy hoạch có hiệu quả theo các nội dung quy định tại Điều 1 của Quyết định này và nội dung của văn kiện quy hoạch được phê duyệt, tuân thủ các quy chế hiện hành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và của Nhà nước về quy chế quản lý rừng đặc dụng.

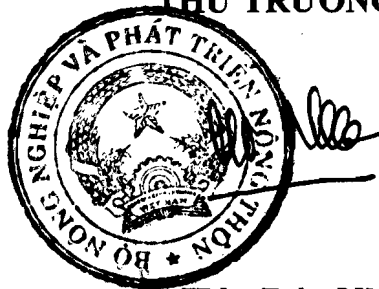
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 4. Chánh văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ Kế hoạch, Tài chính, Đầu tư xây dựng công trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tổng cục Lâm nghiệp; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh Đồng Nai, Bình Phước, Lâm Đồng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ TN&MT; KH&ĐT; TC, VH-TT&DL;
- Lưu VT, TCLN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Hứa Đức Nhị